TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG - BẢN TIN NGÀY 12/11/2024

VNINDEX	HNX	UPCOM	DOW JONES	NIKKEI 225	DAX
1,250.32 -0.18%	226.86 -0.01%	92.40 +0.27%	44,293.13 +0.69%	39,533.32 +0.08%	19,448.60 +1.21%

Biểu đồ VNINDEX

Nhận định thị trường và chiến lược

"Lực cầu rất chân chi số"

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm -2.24 điểm (-0.18%) ở mức 1250.32 điểm, tổng giá trị giao dịch trên sàn HOSE đạt 19.61 nghìn tỷ đồng, tăng +41% so với phiên trước. Chỉ số VN30 giảm -6.88 điểm (-0.52%) về mức 1310.46 điểm với 10 mã tăng, 19 mã giảm và 1 mã tham chiếu.

VN-Index đảo chiều ở phút chót, hình thành nến rút chân sau khi giảm mạnh về vùng 1240 điểm. Nhịp kéo đi kèm khối lượng mua chủ động đồng pha, tuy nhiên lực bán trong phiên cũng còn khá lớn, thanh khoản tăng vượt trội so với trung bình 20 phiên là 31.5%. Độ rộng thị trường nghiêng về phía mua chủ động gần CNTT (+2.08%), Hàng công nghiệp (+2.02%), Tài nguyên cơ bản (+1.68%), tuy nhiên dòng tiền vẫn tập trung ở Ngân hàng (-1.1%), Dịch vụ tài chính (-0.88%). Một vài cổ phiếu có điểm biến nổi bật: CMG, VOS, VTO, VIP tăng trần, CSV (+5.75%).

Diễn biến của các nhóm chỉ số thị trường chính: VN-Index (-0.18%), HNX-Index (-0.01%), UPCOM-Index (+0.27%), VN30 (-0.52%), VNMID (-0.22%), VNSML (+0.33%), VNDIAMOND (-0.49%), VNFINLEAD (-1.67%), VNCOND (-1.87%), VNCONS (+0.36%).

Các cổ phiếu tác động tích cực tới chỉ số VN-Index gồm HPG (+1.08 điểm), FPT (+0.89 điểm), VHM (+0.63 điểm) trong khi đó các cổ phiếu kéo giảm điểm thị trường gồm BID (-1.24 điểm), STB (-0.47 điểm), MWG (-0.71 điểm).

Khối ngoại bán ròng -943.65 tỷ đồng trong đó các cổ phiếu bị khối ngoại bán ròng gồm MSN (-250.25 tỷ), CMG (-208.33 tỷ), STB (-107.89 tỷ). Các cổ phiếu được khối ngoại mua ròng gồm HPG (+159.71 tỷ), DGC (+68.16 tỷ), CSV (+26.99 tỷ).

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

Trên biểu đồ khung ngày, VN-Index giao dịch khó khăn dưới đường MA200 ngày do áp lực bán lớn từ nhóm VN30, chủ yếu đến từ nhóm Ngân hàng (-1.1%) khi 7/8 cổ phiếu của nhóm này đồng gộp giảm điểm mạnh nhất trong phiên. Mặc dù khối lượng mua chủ động có phần kéo cây nến đóng cửa lên trên đường MA200 ngày, tuy nhiên lực bán vẫn còn lớn, thị trường đang ở trong xu hướng điều chỉnh tiếp diễn trên biểu đồ ngày. Ngoài ra, khối ngoại chưa đừng bán ròng trong gần 3 tháng trở lại đây khiến động lực hỗ phục khó xuất hiện.

Trên các biểu đồ khung nhỏ, đường giá có phản ứng tốt với vùng 124x điểm, xuất hiện lực mua chủ động đi kèm sự hỗi phục từ các chỉ báo như Stoch, MFI. Điều này cho tín hiệu đã rõ sẽ tạm ngưng tuy nhiên chưa thể kỳ vọng nhịp hồi phục lớn do VN-Index còn gặp nhiều đường kháng cự MA10/20/50 trên khung 1H tương đương vùng 125x điểm.

Xét về tổng quan, đã rõ có khả năng tạm ngưng khi tín hiệu tích cực xuất hiện trên biểu đồ 1H, tuy nhiên xu hướng chung trên biểu đồ ngày của VN-Index vẫn là điều chỉnh, các nhóm ngành tiếp tục phân hóa khi độ rộng thị trường nghiêng về phía mua chủ động trong khi dòng tiền tập trung ở các nhóm ngành giảm điểm. Do đó, nhà đầu tư cần sáng suốt khi ra quyết định đầu tư, các giao dịch ngắn hạn đều mang tính chất rủi ro, cần chọn lọc kỹ lưỡng.

Hỗ trợ trên biểu đồ ngày của VN-Index là 1235 +/- điểm.
Hỗ trợ trên biểu đồ tuần của VN-Index là 1080 – 1140 điểm.

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

Xu hướng trên cả 2 chỉ số VN-Index và VN30 đều chưa xác nhận tích cực trên biểu đồ ngày, tuần. Trong khi đó đã giảm tạm thời ngưng trên biểu đồ 1H, VN-Index chỉ an toàn trong ngắn hạn. Thị trường vẫn xuất hiện các nhóm cổ phiếu cho tỷ suất lợi nhuận đi ngược thị trường như nhóm Công nghệ, Cảng - Vận tải biển, Xuất khẩu... Do đó đối với các nhà đầu tư lướt sóng, cần cẩn trọng lựa chọn và chốt lọc các nhóm này để dành mục đầu tư dược tối đa hóa lợi nhuận.

Mốc hỗ trợ của VN-Index trên biểu đồ ngày tại 1235 +/- điểm. Vùng giá 1235+/- có sự kiểm định vùng đỉnh tháng 11/2023. Ở tuần thứ 3 của tháng 11, nếu giá có hiện tượng rút chân, thanh khoản thị trường yêu nhà đầu tư có thể quan sát giải ngân dần vị thế cho các giao dịch ngắn hạn.

Kịch bản xấu sẽ được xem xét nếu thị trường đánh mất mốc hỗ trợ này. Hỗ trợ tiếp theo sẽ xuất hiện tại 1207 điểm tương đương mốc Fibo 50%.

Mốc hỗ trợ trên biểu đồ tuần của VN-Index là 1080 – 1140 điểm.

BÁO CÁO CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Bản tin Tiêu điểm ngành (08/11/2024)

TIN TỨC THẾ GIỚI

- Tháng dự thường mại Trung Quốc tiến gần mốc 1,000 tỷ USD, ngụy cơ càng thẳng thương mại gia tăng
- Standard Chartered: Dự báo sản lượng dầu của Mỹ ổn định trong thời gian tới
- Mỹ: Chính sách kinh tế sẽ thay đổi toàn diện

TIN TỨC NỔI BẬT TRONG NGÀY

- Hòa Phát muốn cung ứng 6 triệu tấn thép đường ray cao tốc
- Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Lãi suất cho vay khó giảm thêm
- Đơn hàng đổ dồn, ngành dệt may dự kiến đạt mục tiêu xuất khẩu 44 tỷ USD

LỊCH SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

13/11/2024: Công bố chỉ số giá tiêu dùng của Mỹ (CPI) tháng 10
14/11/2024: Chỉ số giá sản xuất của Mỹ (PPI) tháng 10

Chỉ số thị trường Việt Nam | **11/11/2024** | **(+/-%) 1 phiên** | **(+/-%) 7 phiên** | **(+/-%) 30 phiên**

VNINDEX	1,250.32	-0.18%	-0.36%	-3.24%
VNINDEX GTGD (Tỷ VND)	19,588.07	40.91%	32.58%	-10.25%
HNX	226.86	-0.01%	0.64%	-3.89%
HNX GTGD (Tỷ VND)	1,018.22	-17.67%	64.47%	-54.30%
Upcom	92.40	0.27%	0.48%	-0.94%
UPCOM GTGD (Tỷ VND)	819.01	6.05%	8.75%	-21.34%
P/E VNindex (x)	13.06	-0.23%	-4.67%	-6.31%
P/B VNindex (x)	1.66	0.00%	-1.19%	-5.14%

TOP TĂNG/GIẢM THEO VỐN HÓA TRÊN SÀN HOSE

Top cổ phiếu Bluechip	Top 5 mã tăng giá 1 phiên		Top 5 mã giảm giá 1 phiên		Top 5 mã tăng giá 7 phiên		Top 5 mã giảm giá 7 phiên		Top 5 mã tăng giá 30 phiên		Top 5 mã giảm giá 30 phiên	
1	HPG	2.59%	STB	-4.79%	BVH	4.93%	TPB	-4.99%	BVH	5.41%	PLX	-11.80%
2	FPT	1.84%	MWG	-3.08%	HPG	4.33%	VPB	-4.71%	HPG	3.55%	POW	-11.36%
3	MSN	1.66%	TPB	-2.70%	GVR	3.41%	MWG	-4.55%	FPT	1.77%	HDB	-8.75%
4	GVR	1.52%	HDB	-2.67%	NVL	2.90%	HDB	-3.77%	STB	0.90%	VIB	-8.08%
5	VHM	1.50%	PDR	-2.34%	FPT	2.75%	VIB	-3.45%			SSI	-7.55%

Top cổ phiếu Mid cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên		Top 5 mã giảm giá 1 phiên		Top 5 mã tăng giá 7 phiên		Top 5 mã giảm giá 7 phiên		Top 5 mã tăng giá 30 phiên		Top 5 mã giảm giá 30 phiên	
1	HVN	4.23%	PSH	-5.18%	VTP	19.64%	STG	-6.38%	VTP	34.69%	TCH	-16.48%
2	VSC	3.24%	MSB	-2.92%	TLG	15.52%	EIB	-4.83%	HVN	21.93%	DIG	-10.92%
3	VCG	3.17%	BHN	-2.56%	HVN	14.89%	HPX	-4.11%	TLG	18.52%	PSH	-10.44%
4	LGC	3.17%	VTP	-2.48%	SIP	11.80%	SJS	-4.05%	SIP	14.44%	MSB	-10.38%
5	APH	3.00%	DIG	-2.16%	SZC	11.50%	BHN	-3.80%	BMP	13.68%	STG	-10.26%

Top cổ phiếu Small cap	Top 5 mã tăng giá 1 phiên		Top 5 mã giảm giá 1 phiên		Top 5 mã tăng giá 7 phiên		Top 5 mã giảm giá 7 phiên		Top 5 mã tăng giá 30 phiên		Top 5 mã giảm giá 30 phiên	
1	TRC	6.90%	HRC	-6.90%	ICT	16.26%	SCS	-16.45%	QCG	93.98%	KPF	-37.62%
2	CMG	6.89%	TIX	-6.89%	VOS	14.13%	FIR	-12.92%	CIG	41.56%	RDP	-26.16%
3	VOS	6.78%	CTF	-6.88%	QCG	13.52%	DTL	-12.60%	KHP	35.86%	FIR	-24.60%
4	ICT	6.72%	CVT	-6.84%	CMG	13.44%	ODC	-9.91%	VFG	27.97%	D2D	-18.58%
5	VTO	6.69%	NVT	-4.14%	VIP	12.50%	VPH	-8.05%	YEG	24.59%	HTN	-17.23%

TỔNG HỢP CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI, TỶ GIÁ VÀ HÀNG HÓA

	11/11/2024	(+/-%) 1 phiên	(+/-%) 7 phiên	(+/-%) 30 phiên
TTCK Toàn cầu				
DAX	19,448.60	1.21%	1.01%	1.23%
Dow Jones	44,293.13	0.69%	5.33%	5.07%
FTSE 100	8,125.19	0.65%	-0.64%	-1.83%
Nikkei 225	39,533.32	0.08%	1.16%	-0.74%
S&P 500	6,001.35	0.10%	4.76%	5.13%
Tỷ giá				
USD/VND	25,260.00	0.00%	-0.08%	2.08%
USD/JPY	152.62	-0.37%	0.43%	6.20%
GBP/USD	1.29	-0.77%	0.00%	-3.73%
EUR/USD	1.07	-0.93%	-1.83%	-3.60%
Năng lượng				
Dầu thô Brent	USD/Bbl	71.83	-2.76%	-1.74%	-2.35%
Khí tự nhiên	USD/MMBtu	2.92	9.36%	9.77%	0.69%
Than	USD/T	143.35	0.81%	-0.49%	-2.18%
Kim loại và vật liệu xây dựng					
Gỗ	USD/1000 board feet	568.15	1.79%	2.17%	8.62%
Thép	CNY/T	3,238.00	0.25%	-1.58%	3.32%
Quặng sắt	USD/T	103.82	-1.33%	0.04%	10.65%
Đồng	USD/Lbs	4.23	-1.40%	-2.76%	-6.83%
Bạc	USD/t.oz	30.72	-1.82%	-5.27%	-2.07%
Thép cuộn cán nóng	USD/T	694.05	-1.83%	-2.79%	-4.53%
Vàng	USD/t.oz	2,622.77	-2.30%	-4.15%	-1.41%
Nông nghiệp					
Lợn hơi	US¢/Lbs	81.78	1.68%	-2.74%	-2.06%
Cà phê	US¢/Lbs	256.15	0.94%	5.59%	3.83%
Cao su	USD Cents / Kg	197.00	-0.81%	-0.15%	-0.96%
Lúa mì	US¢/Bu	565.25	-1.27%	-0.48%	-5.63%
Đường	US¢/Lbs	21.31	-2.07%	-3.36%	-5.12%

BIỂU ĐỒ TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG NGÀY 11/11/2024

1. Độ rộng thị trường

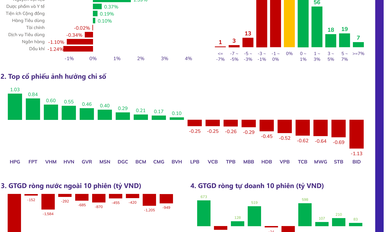
Vốn thông
Công nghệ
Công nghệ Thông tin
Nguyên vật liệu
Được phân vào Y tế
Tiện ích Công cộng
Hàng Tiêu dùng
Tài chính
Dịch vụ Tiêu dùng
Ngân hàng
Dầu khí
-1.10%
-1.24%
-0.07%
-0.34%
0.37%
0.19%
0.10%
1.19%
2.10%
3.59%
1.92%
-7%
-6%
-5%
-3%
-1%
0%
1%
2%
3%
4%
1
1
2
13
99
101
72
77
56
15
19
7
-0.25
-0.25
-0.26
-0.29
-0.45
-0.52
-0.62
-0.64
-0.69
-1.13
-0.50
-0.84
-0.90
-0.95
-1.00
-1.05
-1.20
-1.32
-1.584
-152
-248
-1.205
-1.32
-1.32
-1.32